TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPTN
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2016/KDTM-ST
Ngày: 28/12/2016
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Dương Thị Hạnh**

Các hội thẩm nhân dân: 1/Ông: Trần Tuấn Hưởng

2/ Ông: Nguyễn Quang Huy

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vương Thị Thanh Lan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN: không tham gia phiên tòa

Ngày 28/12/2016, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2016/TLST- KDTM - ST ngày 17 tháng 3 năm 2016 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2016/TLST-KDTM - ST ngày 12 tháng 12 năm 2016, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty CPKD Nông nghiệp QT

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Thế C – Tổng giám đốc

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ

Địa chỉ: Cụm công nghiệp KT, phường CĐ, thành phố SC, tỉnh TN

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Bà Lê Thị X

Trú tại: Tổ 4, phường TL, thành phố TN

(Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông: Hồ Xuân TH

Địa chỉ: Tổ 4, phường TL, thành phố TN

(Có mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà Nnguyên đơn là Công ty cổ phần kinh doanh nông nghiệp QT - Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Theo hợp đồng của Công ty cổ phần Nông nghiệp QT có lập hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi với chị Lê Thị X, hợp đồng lập ngày 28/9/2015. Theo hợp đồng mua bán bắt đầu cung cấp hàng từ ngày 18/7/2015 đến ngày 28/9/2015. Theo hợp đồng hai bên thống nhất chị Lê Thị X phải thanh toán hết số tiền đã mua. Tôi trực tiếp cung cấp và bán thức ăn chăn nuôi gà cho chị Lê Thị Xuân. Địa chỉ: tổ 4, phường TL, thành phố TN là chủ trại gà, hai bên đã thống nhất mua bán hàng, thức ăn chăn nuôi. Theo hình thức trả chậm, có hợp đồng mua bán. Bắt đầu cung cấp hàng từ ngày 18/07/2015 đến ngày 28/09/2015. Theo hợp đồng hai bên thống nhất chị Lê Thị X phải thanh toán hết số tiền hàng đã mua. Nếu không thanh toán đúng, bên bán tĩnh lãi xuất 6%/tháng, tổng số tiền nợ theo hợp đồng hai bên đã ký. Nhưng vì ngày 28/09/2015 chị X chưa xuất bán hết số gà đang chăn. Chị X yêu cầu cung cấp thêm thức ăn, sau vài ngày xuất bán hết thì thanh toán hết số tiền. Nên tôi cấp thêm thức ăn đến ngày 21/10/2015 kết thúc tổng số tiền hàng là 309.400.000đ (Ba trăm linh chín triệu, bốn trăm nghìn đồng). Sau khi chị X bán hết, tôi đề nghị chị X thanh toán tiền hàng trên. Chị X thanh toán 3 lần trả được 66.500.000đ (Sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng), còn lại số tiền là 242.900.000đ tôi nhiều lần lên nhà chị X đề nghị đòi trả số tiền trên. Chị X hứa trả nhưng đến nay không trả.

Bà Lê Thị X trình bày: Tôi là Lê Thị X hiện đang cư trú tại tổ 4, phường TL, thành phố TN. Trong thời kỳ chăn nuôi khoảng 4 tháng anh Nguyễn Văn Đ có đầu tư cho tôi với số tiền cám là 242.900.000đ (đây là số tiền gốc) chưa tính lãi. Khi chăn nuôi gia đình tôi đầu tư nhưng bị thất thoát, thua lỗ vì vậy tôi chưa hoàn trả được số tiền cho anh Đ theo như trong hợp đồng đã ký. Nay tôi có nguyện vọng tôi sẽ trả cho anh Đ với số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) trước, số tiền còn lại tôi sẽ trả dần cho đến hết.

Ông Hồ Xuân Th trình bày: Vợ tôi là Lê Thị X có mua của anh Nguyễn Văn Đ cám để chăn nuôi gia cầm. Hiện nay còn nợ của anh Đ là 242.900.000đ (Hai trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn) do gia đình làm ăn thua lỗ chưa trả được theo hợp đồng đã thỏa thuận. Tôi cũng nhất trí với ý kiến của vợ tôi trong việc trả nợ cho anh Nguyễn Văn Đ và sẽ cùng có trách nhiệm trả nốt số nợ này cho Công ty.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định :

Về tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán quy định tại Điều 30, 35 BLTTDS do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên .

Về nội dung: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

Hội đồng xét xử thấy:

*** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Bà Lê Thị X nguyên là một khách hàng của Công ty cổ phần kinh doanh nông nghiệp QT. Căn cứ hợp đồng mua bán số 17.07-2015/HĐNT-IBA tổng số tiền hàng bà Lê Thị X còn nợ công ty cổ phần kinh doanh nông nghiệp QT tính đến ngày 22/02/2016 là: 242.900.000đ (Hai trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm nghìn đồng). Số tiền trên đã quá hạn thanh toán lâu, Công ty đã nhiều lần yêu cầu bà X thanh toán nhưng bà X chỉ khất nợ mà không trả.Nay Công ty cổ phần Nông nghiệp QT yêu cầu bà X phải trả số nợ gốc là 242.900.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn bà Lê Thị X và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Xuân Th xác định có nợ số tiền gốc 242.900.000đ và có ý kiến sẽ trả Công ty cổ phần kinh doanh nông nghiệp QT 50.000.0000đ trước, số còn nợ sẽ trả dần. Tuy nhiên phía Công ty cổ phần kinh doanh nông nghiệp QT không nhất trí.

HĐXX xác định đây là hợp đồng mua bán hàng hóa được ký kết giữa hai bên có tư cách pháp nhân đầy đủ, các điều khoản thỏa thuận giữa các bên là trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm điều khoản cam kết về thời hạn thanh toán vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền còn nợ đã được hai bên thực hiện đối chiếu công nợ nhiều lần, lần cuối cùng thực hiện vào ngày 29/01/2016.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần kinh doanh nông nghiệp QT, buộc bà Lê Thị X và ông Hồ Xuân Th phải trả số tiền nợ gốc 242.900.000đ

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn Đ người được ủy quyền cho Công ty cổ phần kinh doanh nông nghiệp QT không yêu cầu tính lãi, nên HĐXX không đặt ra vấn đề giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị X và ông Hồ Xuân Th phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, trả lại số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại cho Công ty cổ phần kinh doanh nông nghiệp QT.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 30, Điều 35, BLTTDS; Điều 317; 319 Luật Thương mại; Điều 428; 438 Bộ luật dân sự, Pháp lệnh số 10/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí lệ phí toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần kinh doanh Nông nghiệp QT

- Buộc bà Lê Thị X và ông Hồ Xuân Th phải trả cho Công ty cổ phần kinh doanh nông nghiệp QT số tiền hàng là 242.900.000đ (Hai trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà X, ông Th phải nộp số tiền 12.145.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

- Hoàn trả cho Công ty cổ phần kinh doanh nông nghiệp QT số tiền 6.072.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004161 ngày 16/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định

tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- THATPTN;
- VKSTPTN;
- TA tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu BPDS, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Hạnh

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Dương Thị Hạnh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSTPTN;
- Lưu: VP, BPDS, hồ sơ vụ án

Toà án nhân dân TPTN **Cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam**

Tỉnh Thái Nguyên **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái nguyên, ngày 29 tháng 10 năm 2013

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thuý Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Đường và bà Hà Thị Hồng Phúc

Căn cứ vào Điều 210 và Điều 236 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vào hồi 16 giờ 40 phút ngày 29 .tháng 10 năm 2013, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành thảo luận đối với vụ án Dân sự giữa:

+ **Đồng nguyên đơn**: Ông Bùi Ngọc Thân, sinh năm 1940.

Bà Bùi Thị Chắt, sinh năm 1933.

Đều trú tại: Tổ 2, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên.

3. Ông Bùi Ngọc Việt, sinh năm 1944.

Trú tại: Tổ 1, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên.

4. Ông Bùi Ngọc Cường, sinh năm 1950.

Trú tại: Thôn 8, xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

+ **Bị đơn:** Ông Bùi Ngọc Tuấn, sinh năm 1958.

Trú tại: Tổ 1, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên.

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Bà Bùi Thị Liễu, Bà Bùi Thị Đào, Vũ Thị Thu, Ông Bùi Cao Nguyên.

1. Về tư thủ tục tố tụng:

* Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Cao Nguyên vắng mặt tại phiên toà, nhưng ông Nguyên đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyên theo Điều 199 BLTTDS.

2. Áp dụng điều luật: Điều 224; khoản 2 Điều 305 BLDS năm 2005BLDS; Điều 25, Điều 33, Điều 130, Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 02/HĐTP/2004 ngày 10/8/2004 cùa Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao

Căn cứ Pháp lệnh số 10/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí lệ phí toà án; thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Nghị quyết số 01/2012/ HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy

định của pháp luật về án phí, lệ phí tòa án; Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định:

a) Chấp nhận yêu cầu chia tài sản của bà Nguyễn Thị Chắt, ông Bùi Ngọc Thân, ông Bùi Ngọc Việt, ông Bùi Văn Cường đối với ông Bùi Ngọc Tuấn. Buộc ông Tuấn phải chia cho ông Bùi Ngọc Cường 210,16m^2 đất tại thửa 128, tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên. Ông Cường có trách nhiệm làm thủ tục xin cấp lại GCNQSD đất từ tên cụ Nguyễn Thị Hồng sang tên ông tại các cơ quan có thẩm quyền (có sơ đồ kèm theo).

- Giao cho ông Bùi Ngọc Tuấn 269, 8m^2 đất tại thửa 128, tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên. Ông Tuấn có trách nhiệm làm thủ tục xin cấp lại GCNQSD đất từ tên cụ Nguyễn Thị Hồng sang tên ông tại các cơ quan có thẩm quyền (có sơ đồ kèm theo).

- Buộc ông Bùi Ngọc Tuấn có trách nhiệm trích chia cho ông Bùi Ngọc Thân, ông Bùi Ngọc Việt, bà Bùi Thị Chắt mỗi người một một khoản tiền là 26.320.000đ.

- Buộc ông Bùi Ngọc Cường có trách nhiệm trích chia cho ông Bùi Ngọc Thân một khoản tiền là 57.264.000đ; cho ông Bùi Ngọc Việt 57.264.000đ; cho bà Bùi Thị Chắt 57.264.000đ.

b) Về án phí:

- Theo khoản 7 Điều 27 pháp lệnh về án phí Ông Thân phải nộp 4.793.435đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước (được chuyển 50.000đ từ dự phí sang biên lai số 09781 ngày 20/7/2005);

- Ông Việt phải nộp 4.440.000đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước (được chuyển 50.000đ từ dự phí sang biên lai số 09781 ngày 20/7/2005);

- Ông Cường phải nộp 4.440.000đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước (được chuyển 50.000đ từ dự phí sang biên lai số 09781 ngày 20/7/2005);

- Bà Chắt phải nộp 4.440.000đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước (được chuyển 50.000đ từ dự phí sang biên lai số 09781 ngày 20/7/2005).

- Ông Tuấn phải nộp 13.514.051đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự.

Biên bản làm xong đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Cho nên HĐXX thấy rằng anh Nam cho chị Hồng vay với tổng số tiền **4.272.000.000đ** là có thật, khi vay hai bên có làm hợp đồng, có thoả thuận về thời hạn thanh toán và lãi suất. Hiện nay, số tiền này đã đến hạn thanh toán nhưng chị Hồng không thanh toán trả cho anh Nam. Việc anh Nam yêu cầu chị Hồng phải thanh toán các khoản tiền đã đến hạn thanh toán là **4.272.000.000đ** là có cơ sở để chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nam, buộc chị Hoàng Thị Bích Hồng phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Trần Ngọc Nam số tiền gốc là **4.272.000.000đ** (Bốn tỷ, hai trăm bẩy mươi hai triệu đồng).

- Về lãi suất: Anh Nam xác định lãi xuất 10,5% và 6% do các tự bên thoả thuận nhưng đến nay chị Hồng chưa hề trả cho anh một khoản tiền lãi nào đối với cả hai khoản vay trên. Tại phiên toà hôm nay anh Nam chỉ yêu cầu chị Hồng phải thanh toán trả cho anh số tiền nợ gốc, còn lãi anh không yêu cầu chị Hồng phải trả. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

*** Xét về yêu cầu của chị Hoàng Thị Bích Hồng thì thấy:**

Trong các bản tự khai ngày 02/8/2011, ngày 20/12/2012 và biên bản hoà giải ngày 08/01/2013 chị Hồng thừa nhận có vay của anh Nam tổng số tiền 4.272.000.000đ (Bốn tỷ hai trăm bẩy mươi hai triệu đồng) và đã nhiều lần thanh toán nợ cho anh Nam. Số tiền thanh toán đó đã được trên sổ sách và đã được chị và anh Nam chốt nợ với nhau, được thể hiện tại giấy chốt công nợ do tự tay anh Nam viết đề ngày 05/12/2010. Hiện nay chị chỉ còn nợ anh Nam số tiền gốc là 600.000.000đ và tiền lãi 708.000.000đ. Chị nhất trí trả anh Nam số tiền này.

Ngoài ra chị Hồng còn yêu cầu anh Nam phải trả cho chị 02 giấy chứng nhận QSDĐ hiện anh Nam đang giữ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bản thân chị Hồng thừa nhận có vay anh Nam tổng số tiền **4.272.000.000đ.** Số tiền này chị Hồng xác định đã trả trả chỉ còn nợ lại 600.000đ được thể hiện bằng giấy chốt công nợ ngày 05/12/2010 đã xuất trình nhưng giấy chốt công nợ này đã có sự viết chèn nên không đủ căn cứ để chấp nhận. Ngoài ra chị Hồng không không xuất trình được chứng cứ nào khác liên quan đến việc thanh toán khoản nợ 4.272.000.000đ. Cho nên, không có căn cứ để xác định chị Hồng đã trả tiền cho anh Nam. Do vậy không chấp nhận yêu cầu của chị Hồng.

Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐKCTT ngày 17/02/2012 của toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, áp dụng biện pháp phong toả tài sản là thửa đất số 390 tờ bản đồ số 10 diện tích 102m^2 tại tổ 13 phường Đồng Quang thành phố Thái Nguyên (đất đã được cấp

GCNQSD số AD 613887 ngày 06/02/2007 mang tên Hoàng Thị Bích hồng và Phạm Ngọc Hùng), để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của chị Hồng. Nay chị Hồng phải trả cho anh Nam số tiền **4.272.000.000đ,** nên cần giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/QĐKCTT ngày 17/02/2012 của toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên đến khi chị Hồng thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án.

Về án phí: chị Hoàng Thị Bích Hồng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 471, 474, khoản 2 Điều 305 BLDS năm 2005; Điều 25, 130, 131 BLTTDS; Pháp lệnh số 10/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí lệ phí toà án; Nghị quyết số 03/HĐTP ngày 3/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bà Trần Kim Cung

- Buộc anh Phạm Ngọc Hoàn phải có trách nhiệm trả bà Trần Kim Cung số tiền gốc **100.000.000đ *(một trăm triệu đồng*)** và không phải trả lãi suất.

Bác yêu cầu của bà Cung khởi kiện Chị Vũ lệ Huyền phải có trách nhiệm cùng anh Hoàn trả số nợ 100.000.000đồng

- Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bà Cung có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Hoàn không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng anh Hoàn còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi xuất cơ bản do ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Theo khoản 2 điều 27 pháp lệnh về án phí: Anh Phạm Ngọc Hoàn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000đ vào ngân sách Nhà nước.

- Theo khoản 4 Điều 18 pháp lệnh về án phí : Hoàn trả bà Trần Kim Cung số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ theo biên lai thu số 000 ngày tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà Cung, chị Huyền, anh Hoàn. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSTPTN;
- Lưu: VP, BPDS, hồ sơ vụ án

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thuỷ